

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày 19 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Văn Kim

Ông Long Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo;

Vũ Văn A, sinh ngày 21 tháng 5 năm 1995, tại huyện K, tỉnh Hưng Yên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã X, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn T và bà Đào Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 16 tháng 6 năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Lâm Thị L, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Ông Vi Văn G, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ủy quyền cho bà Lâm Thị L theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 01 năm 2019; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đào Thị N, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện K, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

2. Bà Đào Thị H, sinh năm 1974, nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện K, tỉnh Hưng Yên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 09 tháng 01 năm 2019 Vũ Văn A mượn xe mô tô biển kiểm soát: 12K7 - 0079 của Nông Văn B đi một mình theo đường xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đến nhà anh Vi Văn G ở thôn T, xã V, huyện C, đến nơi A dựng xe mô tô ở dưới đường trước cổng và đi bộ vào sân nhà anh G, A trèo giàn giáo, lên ban công tầng 2. Do trước đó A làm thợ sơn nhà cho anh G thường đi lại bằng cửa chính tầng 2, A biết được cửa này hàng ngày chỉ khép, không khóa, nên A mở cửa đi vào trong nhà, thấy cửa buồng đang mở, trong buồng ngủ có chiếc hòm tôn đặt ở trên một chiếc ghế nhựa trong góc tường đối diện với cửa ra vào. Thấy trên hòm có hai túi quần áo, A dùng tay bê hai túi quần áo đặt xuống nền nhà, sau đó A dùng hai tay cạy nắp hòm cong vênh lên, A dùng tay trái giữ nắp hòm, tay phải thò vào trong hòm phát hiện dưới đáy hòm có một túi bóng. A lấy ra khỏi hòm, thấy bên trong chiếc túi bóng màu hồng có 01 chiếc ví giả da màu đỏ, 01 phong bì màu trắng, mở ví ra thấy ngăn bên trong có một cọc tiền nhiều loại mệnh giá 50.000đ, 100.000đ, 200.000đ và 500.000đ, A lấy cọc tiền đó để xuống nền nhà, thấy tại ngăn bên cạnh có ít tiền lẻ, A không lấy rồi kéo khóa đóng chiếc ví lại và kiểm tra chiếc phong bì phát hiện có một cọc tiền loại mệnh giá 500.000đ và 200.000đ được buộc bằng dây nịt. Lấy tiền xong A để chiếc ví vào trong túi bóng cuộn lại để vào vị trí cũ, sau đó cất số tiền lấy được vào túi áo bên phải đang mặc trên người, rồi đặt hai túi quần áo lên vị trí cũ như lúc ban đầu. A tiếp tục đi theo đường cầu thang xuống tầng 1, vào phòng khách, thấy một chiếc điện thoại NOKIA LUMIA 630 màu đen để trên kệ gần tivi, A lấy chiếc điện thoại đó tắt nguồn và cất vào túi quần bên trái đang mặc trên người. Sau đó A đi lên tầng 2, đi ra ban công đóng cửa lại, trèo xuống giàn giáo theo đường cũ, đi ra đường lấy xe mô tô quay về thành phố S. Khi về đến đoạn đường đôi thuộc xã Q, thành phố S, tại điểm dừng xe Bus, A gặp một người phụ nữ trung tuổi không quen biết, A hỏi người phụ nữ là "chị có mua điện thoại không", người phụ nữ đó hỏi lại là "điện thoại gì", A đã lấy chiếc điện thoại NOKIA LUMIA 630 màu đen trộm cắp được tại nhà anh G cho người phụ nữ đó xem, người phụ nữ đó hỏi A là bán bao nhiêu tiền, A nói bán 200.000đ, nhưng người phụ nữ đó trả 120.000đ, A đồng ý bán, A tháo sim điện thoại ra và bán chiếc điện thoại cho người phụ nữ. Trên đường về chỗ làm đến cầu Z thuộc thành phố S A đã vứt chiếc sim điện thoại xuống dưới cầu rồi đi thẳng về chỗ làm ở thôn I, xã Q, thành phố S, tỉnh Lạng Sơn. Về đến nơi A lấy số tiền vừa trộm cắp tại nhà anh G ra kiểm đếm được 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng), gồm các tờ tiền có mệnh giá 50.000đ, 100.000đ, 200.000đ và 500.000đ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày A lấy 42.500.000đ (bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) ra bên xe bờ sông gửi xe khách không biết biển kiểm soát của xe về

cho mẹ là Đào Thị L, A giữ lại 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 11 tháng 01 năm 2019 A đi về nhà hỏi mẹ và lấy lại số tiền 42.500.000đ, A giữ lại 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), còn 35.000.000đ (ba mươi năm triệu đồng), A gửi di ruột là bà Đào Thị H giữ hộ. Sau đó A quay lên Lạng Sơn làm việc. Số tiền trộm cắp được A giữ 10.000.000đ và 120.000đ tiền bán điện thoại, A đã chi tiêu vào mục đích cá nhân hết.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019 A đã đến Công an huyện Chi Lăng tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Chi Lăng đã thu giữ tại nhà Lâm Thị L 191.000đ (một trăm chín mươi một nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam; một chiếc ví giả da màu đỏ. Ngày 14 tháng 01 năm 2019 thu giữ của Vũ Văn A gồm: 01 dây lưng giả da màu đen; 01 chiếc mũ lưỡi trai màu xanh dương; bà Đào Thị L giao nộp 35.000.000đ (ba mươi năm triệu đồng).

Tại bản kết luận giám định số 46/KLGD-PC09 ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam gồm 35.000.000đ (ba mươi năm triệu đồng) trong gói niêm phong gửi giám định là tiền Việt Nam thật.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chi Lăng, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA LUMIA 630 màu đen, giá trị là 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 04 tháng 3 năm 2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Chi Lăng đã trả lại cho Lâm Thị L 35.191.000đ (ba mươi năm triệu một trăm chín mươi một nghìn đồng) và một chiếc ví giả da màu đỏ.

Cáo trạng số 30/CT-VKSCL ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng đã truy tố bị cáo Vũ Văn A về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn A khai và thừa nhận bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, bị cáo đồng ý với kết quả định giá chiếc điện thoại di động là 450.000 đồng, hiện tại bị cáo không có khả năng hoàn trả số tiền 10.000.000 đồng cho bị hại, sau này cải tạo về bị cáo sẽ hoàn trả cho bị hại sau. Còn các vật chứng là 01 chiếc mũ lưỡi chai và 01 dây thắt lưng giả da, bị cáo xin lại để sử dụng.

Bị hại bà Lâm Thị L trình bày: Tôi đã được nhận lại số tiền 35.191.000 đồng và đề nghị bị cáo trả lại tài sản chưa thu hồi được là 10.450.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bà Đào Thị L trình bày: Trước khi gửi tiền về bị cáo A con trai bà chỉ nói là số tiền do làm công trình, bà không biết là tiền do trộm cắp mà có. Bà đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã nhận ra sai lầm và đã ra tự thú.

Bà Đào Thị H trình bày: Tôi được cháu A bảo giữ hộ số tiền 35.000.000 đồng, A không nói cho tôi biết là số tiền do đâu mà có.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn A phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các Điều 38, 50; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn A từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo: 01 chiếc mũ lưỡi chai; 01 dây thắt lưng giả da.

Về dân sự: Áp dụng các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho người bị hại số tiền là 10.450.000đ (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Phản tranh luận: Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Vũ Văn A tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 11 tháng 01 năm 2019, bản ảnh hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra ngày 29 tháng 01 năm 2019 và biên bản lời khai của người tự thú, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết luận giám định của tài sản thu giữ. Cụ thể; vào khoảng 09 giờ ngày 09 tháng 01 năm 2019 Vũ Văn A đi xe mô tô biển kiểm soát: 12K7 - 0079 của Nông Văn B đến nhà anh Vi Văn G ở thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đến nơi A dựng xe mô tô ở dưới đường trước cổng và đi bộ vào sân nhà ông Vi Văn G rồi trèo lên ban công vào nhà lục lọi lấy tài sản. Vũ Văn G đã lấy được số tiền là 45.000.000 đ (bốn mươi năm triệu đồng) và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu NOKIA trị giá 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), tổng giá trị tài sản Vũ Văn A trộm cắp của ông Vi Văn G

và bà Lâm Thị L là 45.450.000 đ (bốn mươi năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Vũ Văn A phạm tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Để cá thể hóa hình phạt Hội đồng xét xử đánh giá, nhận định về tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có một tiền án năm 2017 về tội trộm cắp tài sản nên có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo khai báo thành khẩn, sau khi phạm tội đã tự thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Tại bản án số 13/2017 ngày 16 tháng 6 năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những phân tích, nhận định nêu trên xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do làm thuê kiếm sống không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì không có khả năng thi hành án.

[9] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Vũ Văn A theo tội danh và điều khoản trong Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là hợp lý cần được chấp nhận.

[10] Vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc mũ lưới chai màu xanh dương; 01 dây thắt lưng giả da màu đen bị cáo đề nghị trả lại để sử dụng. Xét thấy những đồ vật này không phải là vật chứng của vụ án cần trả lại cho bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự là có căn cứ.

[11] Về bồi thường dân sự: Tổng số tài sản bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) và giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA là 450.000 đ (bốn mươi năm nghìn đồng). Xác nhận bị hại bà Lâm Thị L đã nhận lại số tiền 35.000.000đ (ba mươi năm triệu đồng), số tiền còn lại buộc bị cáo phải hoàn trả cho bà Lâm Thị L là 10.450.000đ (mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

[12] Về án phí: Bị cáo bị truy tố, xét xử về hành vi trộm cắp tài sản là đúng tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các Điều 38, 50; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn A phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 14 tháng 01 năm 2019.

2. Vật chứng: Trả cho bị cáo Vũ Văn A 01 chiếc mũ lưới chai màu xanh dương, viên lưới trai màu trắng đã qua sử dụng; 01 dây thắt lưng giả da màu đen, một đầu nhọn, một đầu gắn với mặt thắt lưng, dài 01mét, rộng 3,5cm đã qua sử dụng.

3. Trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng các Điều 357, 468 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Vũ Văn A phải bồi thường cho bà Lâm Thị L số tiền là 10.450.000 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí: Bị cáo Vũ Văn A phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 522.500 đồng. Tổng cộng là 722.500đ (bảy trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Na